

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **367/2023/DS-ST**
Ngày: 24 – 7 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Trần Ngọc Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 437/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 590/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 589/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T SMBC; Địa chỉ trụ sở: Tầng 2 Toà nhà REE Tower, Số 9 đường Đ, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Tầng 9 Toà nhà R, Số 9 đường Đ, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Nhật A, sinh năm 1988; Địa chỉ liên lạc: Tầng 9 Toà nhà R, Số 9 đường Đ, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy uỷ quyền số 307/UQTA-XLTD.23 ngày 01/4/2023) (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1998; Địa chỉ: 35/8 đường N, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T do ông Lê Nhật A làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/01/2019, bà Bùi Thị Ngọc H có ký Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254, với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T (nay là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T) (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính) để vay số tiền là 20.000.000 đồng và đồng ý mua bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 5,5% giá trị khoản vay tiêu dùng tương đương với số tiền là 1.100.000 đồng, tổng cộng khoản vay là 21.100.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng) với lãi suất thỏa thuận là 4,33%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, bà H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính số tiền 43.082.852 đồng bao gồm cả gốc và lãi trong thời hạn 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.167.830 đồng, tháng cuối cùng trả 2.208.802 đồng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 05/3/2019.

Vào ngày 29/01/2019, Công ty Tài chính đã giải ngân cho bà H số tiền là 21.100.000 đồng và bà H đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Công ty tài chính được 11 lần với tổng số tiền là 12.980.000 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 3.120.139 đồng và tiền nợ lãi là 9.859.861 đồng. Kể từ ngày 31/01/2020 đến nay bà H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nay Công ty Tài chính yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254 ngày 25/01/2019 với bà Huyền và yêu cầu bà H phải thanh toán cho Công ty Tài chính số tiền là 30.102.852 đồng (ba mươi triệu, một trăm lẻ hai nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 17.979.861 đồng và nợ lãi là 12.122.991 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho bà Bùi Thị Ngọc Huyền nhưng phía bị đơn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 466, Điều 148 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 30.102.852 đồng (ba mươi triệu, một trăm lẻ hai nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng), thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Án phí sơ thẩm bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Xét đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2022 của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254 ngày 25/01/2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:* Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 21/6/2023. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do bà Bùi Thị Ngọc H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà H.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn vẫn không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bà H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254 ngày 25/01/2019:

Xét Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254 ngày 25/01/2019 và lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Công ty Tài chính yêu cầu chấm dứt hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán số tiền 30.102.852 đồng, trong đó nợ gốc là 17.979.861 đồng và nợ lãi là 12.122.991 đồng của Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254 ngày 25/01/2019:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254 ngày 25/01/2019 thì có cơ sở xác định bà Bùi Thị Ngọc H có ký hợp đồng tín dụng với Công ty Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T để vay số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và đồng ý mua bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 5,5% giá trị khoản vay tiêu dùng tương đương với số tiền là 1.100.000 đồng, tổng cộng của khoản vay là 21.100.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng). Bà H đã trả được số tiền nợ gốc là 3.120.139 đồng. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Công ty Tài chính yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 17.979.861 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tại Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254 ngày 25/01/2019 các bên có thỏa thuận lãi suất là 4.33%/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất và lãi suất quá hạn phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét việc bà H đã thỏa thuận trả lãi cho Công ty Tài chính số tiền là 21.982.852 đồng, thực tế đã thanh toán được số tiền lãi là 9.859.861 đồng. Do

đó, Công ty Tài chính yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ lãi còn lại là 12.122.991 đồng là hoàn toàn có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Tài chính. Do đó, Công ty Tài chính yêu cầu bà H thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Công ty Tài chính là 30.102.852 đồng, do đó án phí bà H phải chịu là 1.505.143 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 752.572 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0036479 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T:

Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254 ngày 25/01/2019 giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T (sau đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T) và bà Bùi Thị Ngọc H được chấm dứt.

Buộc bà Bùi Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 20190129-0005254 ngày 25/01/2019 là 30.102.852 đồng (ba mươi triệu, một trăm lẻ hai nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng), bao gồm:

- Nợ gốc là 17.979.861 đồng (mười bảy triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi một đồng).

- Nợ lãi là 12.122.991 đồng (mười hai triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi một đồng).

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.505.143 đồng (một triệu, năm trăm lẻ năm triệu, một trăm bốn mươi ba đồng).

- Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 752.572 đồng (bảy trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0036479 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thành)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương